TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06 /2018/ HNGĐ-ST
Ngày:27 /3 /2018;
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Cao;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2017/TLST- HNGĐ ,ngày 16 tháng 02 năm 2017; về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Trung Đ**; sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Ngõ 189, đường P, Tổ dân phố 5, phường B, thành phố Đ, tỉnh Q; có mặt;

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**; sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: Thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên phiên tòa anh Nguyễn Trung Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chi T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Q vào ngày 17 tháng 11 năm 2015; trong quá trình chung sống cả hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trái ngược

nhau, bất đồng quan điểm sống. Do đó, không thể cùng nhau chung sống, không đưa lại hạnh phúc cho nhau. Từ tháng 2/2016 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Đ yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Q vào ngày 17/11/2015. Sau khi kết hôn chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân tính tình hai vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị T và anh Đ đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau, nay tình cảm không còn, hạnh phúc không thể hàn gắn, anh Đ xin ly hôn chị T cũng đồng ý.Về con chung, tài sản chung và công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị vì lý do chị đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa anh Nguyễn Trung Đ và chị Nguyễn Thị T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án vẫn giải quyết vụ án; lời khai của chị T đã có trong hồ sơ vụ án; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Q vào ngày 17 tháng 11năm 2015; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị đã có thời gian ngắn chung sống hạnh phúc rồi sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nên có nhiều bất đồng, mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, mức độ ngày càng trầm trọng không thể dung hoà được, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Đ xác định tình cảm không còn, yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn; bị đơn chị T nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công

nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung Đ và chị Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[4].Về con chung ,tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh Đ chịu nộp án phí ly hôn để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung Đ và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trung Đ chịu nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) anh Đ đã nộp theo Biên lai số 0001925 ngày 16 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q; như vậy, anh Đ đã nộp đủ án phí.

4.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2018); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
-Chị Nguyễn Thị T;
-Anh Nguyễn Trung Đ;
-UBND phường B(Để biết);
-UBND xã V(Để niêm yết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân